TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HSPT
Ngày 16 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điêu Thị Kim Liên.
Các thẩm phán: Ông Vũ Văn Nghĩa, bà Lại Thị Hiếu
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 07/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐPT-HS, ngày 06 tháng 01 năm 2025. Do có kháng cáo của các bị cáo Vì A S, Bùi Hoàng A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vì A S, sinh ngày 03/5/1995 tại thành phố S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: không; con ông Vì A X và bà Hà Thị Minh P; bị cáo có vợ là Mùi Thị T, sinh năm 1995, có 01 con sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 06/8/2024 đến nay. Có mặt.

2. Bùi Hoàng A, sinh ngày 20/9/1994 tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nơi đăng kí hộ khẩu thường trú: Tổ 11, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nơi ở: Tiểu khu I, thị trấn M2, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: không; con ông Bùi Quang C và bà Trần Hồng Quế; bị cáo có vợ là Lường Thị Thanh H, sinh năm 2000, có 01 con sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 06/8/2024 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Chính K, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Số 150 TB, phường ML, quận HĐ, Thành phố HN. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo Tòa án không triệu tập:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Hà Thị Minh P, sinh năm 1970; nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La.

+ Chị Lường Thị Thanh H, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ 11, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Hoàng A và Vì A S cùng là nhân viên làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn TMP, có trụ sở tại tiểu khu 10, thị trấn M2, huyện M từ tháng 8 năm 2019, công việc là tìm khách hàng có nhu cầu môi giới bất động sản và tư vấn thủ tục đất đai. Đến tháng 4/2022, Bùi Hoàng A và Vì A S nghỉ làm việc ở Công ty và tách ra cùng nhau kết hợp tự làm môi giới bất động sản và tư vấn các thủ tục liên quan đến đất đai cho khách hàng, thuê phòng trọ tại khu vực thị trấn NTMC để sinh sống. S và A thỏa thuận S là người tìm kiếm khách hàng, còn A là người thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai.

Tháng 9/2022, anh Nguyễn Chính K mua diện tích đất 3500 m^2 tại tiểu khu 19/5, thị trấn NTMC, huyện M, do mảnh đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh K đã đăng thông tin lên mạng xã hội Facebook tìm người làm giúp thủ tục. Vì A S đọc thấy thông tin anh K đăng lên mạng xã hội nên đã lấy số điện thoại của anh K trên mạng để liên lạc với anh K, S giới thiệu tên là Vì A S và nói với anh K có thể làm được thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh K, anh K đã đồng ý. Sau đó Vì A S nói với Bùi Hoàng A việc anh Nguyễn Chính K có nhu cầu tìm người làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một mảnh đất tại tiểu khu 19/5, thị trấn NTMC, huyện M, tỉnh Sơn La. Sau khi nghe S nói vậy thì A nói với Sinh cứ nhận làm cho anh K, sau đó S và A sẽ thỏa thuận về giá và ký hợp đồng ủy quyền.

Đến ngày 16/10/2022, sau khi thỏa thuận, anh K và S thống nhất: *"K ủy quyền cho S làm mọi thủ tục liên quan đến việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất tại tiểu khu 19/5, thị trấn NTMC tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, thời hạn ủy quyền là 06 tháng, từ 16/10/2022 đến ngày 16/4/2023 với số tiền là 460.000.000 đồng"*. Anh K cung cấp thông tin, bản trích đo thửa đất, bản photo giấy chuyển nhượng đất cho S. Anh K trả trước cho S số tiền 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản Techcombank số 19033702065018 của anh K đến số tài khoản 2550103051995 của Vì A S mở tại ngân hàng B Bank, số tiền còn lại K sẽ thanh toán khi hoàn

thành hợp đồng. S và A thỏa thuận A sẽ trực tiếp cầm tài liệu của anh K và chịu trách nhiệm chính nên số tiền anh K chuyển trước cho S thì S sẽ chuyển cho A là 175.000.000 đồng, S giữ lại số tiền 25.000.000 đồng. S đã chuyển số tiền 170.000.000 đồng cho A bằng hình thức chuyển vào tài khoản MB Bank của vợ A là chị Lường Thị Thanh H có số tài khoản 7850187686888 và đưa 5.000.000 đồng tiền mặt cho A.

Sau khi ký hợp đồng với anh K thì Sinh và A đã không thực hiện các công việc theo thỏa thuận, không tiến hành các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh K. Đến cuối tháng 10/2022, A thuê anh Phạm Trọng O (O không có thẩm quyền trong việc đo đạc đất) tiến hành đo đạc mảnh đất của anh K tại Tiểu khu 19/5, thị trấn NTMC, huyện M với tiền công là 1.500.000 đồng. A nhờ anh O hỏi về tính pháp lý của mảnh đất thì được anh O cho biết mảnh đất trên thuộc đất NT và một phần đất rừng nên không thể cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, A và S không thực hiện các thủ tục nào liên quan đến xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất của anh K, toàn bộ số tiền còn lại đã nhận của anh K thì Sinh đã sử dụng để chi tiêu cá nhân, còn A sử dụng mua 01 chiếc điện thoại Iphone 14 Pro, Tivi, tủ lạnh... để A sử dụng. Đến thời hạn của hợp đồng, anh K không thấy S cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã thống nhất nên đã gặp S và A để hỏi nhưng S và A không nói cho anh K biết về việc diện tích đất không thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được mà tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là vẫn có thể cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, anh K đã nhiều lần gọi điện cho Sinh và A, tuy nhiên S và A đưa ra nhiều lý do về việc đang tiếp tục làm thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau nhiều lần trì hoãn, biết bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ngày 06/5/2024, anh K trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tiến hành xác minh việc lập hồ sơ để thực hiện các thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Chính K. Kết quả tại Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định chưa nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh K tại Tiểu khu 19/5, thị trấn NTMC từ Vì A S hay bất kỳ ai. Mảnh đất tại Tiểu khu Y chưa được quy chủ, chưa được cấp bìa. Thửa đất 580 quy hoạch đất nông nghiệp (NKH), thửa 581 quy hoạch đất nông nghiệp và một phần đất rừng (RST). Hai thửa đều nằm trong diện tích đất của Công ty cổ phần Giống bò sữa bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện M, hiện đang xây dựng phương án sử dụng đất. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện M xác định: Từ ngày 16/10/2022 đến ngày 29/5/2024 qua tra cứu trên phần mềm, không có hồ sơ đăng ký cấp bìa từ anh Nguyễn Chính K hoặc Vì A S. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai của huyện M không tiếp nhận hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến diện tích đất của anh Nguyễn Chính K.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đề nghị Hạt kiểm lâm Mộc Châu xác định diện tích đất của anh Nguyễn Chính K có nằm trong diện tích rừng hay không? Ngày 01/7/2024 Hạt kiểm lâm huyện M xác định: Tổng diện tích đo đạc 3.468,8m^2, gồm 02 thửa đất (thửa 01 có diện tích là 1.212m^2, thửa 02 có diện tích là 2.256,8m^2). Diện tích khu vực đo đạc không nằm trong diện tích rừng. Diện tích thửa số 01 có diện tích là 1.212m^2 thuộc quy hoạch rừng sản xuất. Diện tích thửa số 02 có diện tích là 1.099,6m^2 thuộc quy hoạch rừng sản xuất.

Ngày 14/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tạm giữ của Bùi Hoàng A 01 chiếc điện thoại Iphone 14 Pro do A sử dụng số tiền chiếm đoạt của anh K để mua chiếc điện thoại. Ngày 02/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc điện thoại Iphone 14 Pro thu giữ của Bùi Hoàng A. Tại kết luận định giá tài sản ngày 05/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện M kết luận chiếc điện thoại có giá trị 14.000.000 đồng. Đối với những đồ vật như tủ lạnh, điều hoà A sử dụng số tiền lừa đảo để mua và sử dụng tại phòng trọ, sau đó A đã bán đi nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã xác minh các tài khoản giao dịch chuyển tiền tại ngân hàng Techombank, ngân hàng BIDV và ngân hàng MB xác định: Tài khoản số 19033702065018 mang tên Nguyễn Chính K. Sao kê từ ngày 16/10/2022 đến ngày 30/10/2022 như sau: Ngày 17/10/2024 chuyển tiền đặt cọc tới tài khoản của Vì A S, số tiền 200.000.000 đồng. Xác nhận của ngân hàng MB về số tài khoản 2550103051995 là của Vì A S, số tài khoản 7850187686888 là của Lường Thị Thanh H. Cung cấp lịch sử giao dịch của tài khoản 7850187686888 từ ngày 16/10/2022 đến ngày 16/11/2022: Ngày 17/10/2022 nhận tiền từ tài khoản Vì A S, số tiền 170.000.000 đồng. Xác định của ngân hàng BIDV số tài khoản 4110474080 là của Bùi Hoàng A.

Cơ quan điều tra quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định đối với chữ ký trong hợp đồng ủy quyền do anh Nguyễn Chính K cung cấp, kết luận giám định xác định:

"1. Chữ ký mang tên Bùi Hoàng A, dưới mục "NGƯỜI LÀM CHỨNG" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Bùi Hoàng A trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên Vì A S, dưới mục "BÊN B" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Vì A S trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký ra".

Ngày 13/6/2024 Cơ quan điều tra quyết định trung cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định đối với đoạn video do Nguyễn Chính K cung cấp về quá trình các bên lập hợp đồng, kết quả giám định xác định: "Đoạn video gửi giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung".

Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu tím thu giữ của bị cáo Bùi Hoàng A.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Chính K yêu cầu Bùi Hoàng A và Vì A S phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 220.000.000 đồng, trong đó 200.000.000 đồng là tiền A và S đã chiếm đoạt và 20.000.000 đồng là tiền yêu cầu Sinh và A phải bồi thường cho anh K do làm mất sơ đồ trích đo mảnh đất của anh K và chi phí anh K đi lại trong thời gian S và A thực hiện hợp đồng. Ngày 26/8/2024, đại diện gia đình Bùi Hoàng A và gia đình Vì A S đã bồi thường cho Nguyễn Chính K số tiền 220.000.000 đồng, trong đó gia đình Bùi Hoàng A bồi thường số tiền 185.000.000 đồng, gia đình Vì A S bồi thường tiền 35.000.000 đồng. Anh Nguyễn Chính K đã nhận tiền và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Cáo trạng số: 187/CT-VKS ngày 21/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị can Vì A S, Bùi Hoàng A về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La đã xét xử và Quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 3, 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Vì A S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Vì A S 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 06/8/2024. Phạt bổ sung đối với bị cáo Vì A S số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Căn cứ điểm a khoản 3, 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Bùi Hoàng A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Hoàng A 02 (Hai) năm, 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 06/8/2024. Phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Hoàng A số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 01/12/2024 các bị cáo Bùi Hoàng A, Vì A S kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện M. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:** Các bị cáo Bùi Hoàng A, Vì A S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bổ sung nội dung kháng cáo là và

cho các bị cáo hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M xét xử các bị cáo Bùi Hoàng A, Vì A S về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A cùng bàn bạc, lên kế hoạch để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Trong đó, bị cáo Vì A S là người chủ động liên lạc với bị hại để chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo Sinh được nhận 25.000.000 đồng, bị cáo Bùi Hoàng A được nhận 175.000.000 đồng trong số tiền chiếm đoạt được. Hành vi của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình các bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A cung cấp thêm đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đơn xin bảo lãnh cho các bị cáo hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện các bị cáo phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội luôn chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Bị cáo Vì A S, Bùi Hoàng A là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, vợ không có công việc, thu nhập ổn định. Các bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A đã nộp đủ số tiền phạt bổ sung và án phí dân sự sơ thẩm là 10.200.000đ theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện M tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo có đủ điều kiện áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3, 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chuyển hình phạt tù sang hình phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo là 05 (năm) năm.

Trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giữ, tạm giam về một tội khác.

Các bị cáo nhất trí không có ý kiến tranh luận thêm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/12/2024 các bị cáo Bùi Hoàng A, Vì A S có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể và phạm vi kháng cáo nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại anh Nguyễn Chính K. Tòa án đã triệu tập hợp lệ, anh K có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở xác định:

Vào cuối năm 2022, khi biết anh Nguyễn Chính K có nhu cầu làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Vì A S và Bùi Hoàng A lợi dụng sự thiếu hiểu biết của anh K đã đưa ra thông tin gian dối về việc có thể làm được thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất của anh K. Anh K đã tin tưởng, ký hợp đồng ủy quyền cho Vì A S làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển cho Sinh số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Vì A S và Bùi Hoàng A không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh K, số tiền 200.000.000 đồng đã nhận của anh K thì Sinh và A đã chiếm đoạt để chi tiêu, sử dụng cá nhân.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Về nhân thân: Các bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong vụ án các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, cùng bàn bạc, lên kế hoạch để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Trong đó, bị cáo Vì A S là người chủ động liên lạc với bị hại để chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo Sinh được nhận 25.000.000 đồng, bị cáo Bùi Hoàng A được nhận 175.000.000 đồng trong số tiền chiếm đoạt được.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Vì A S hưởng mức hình phạt dưới khung hình phạt là 03 (ba) năm tù và bị cáo Bùi Hoàng A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ phân hóa vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình

phạt của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình các bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A cung cấp thêm đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đơn xin bảo lãnh cho các bị cáo hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện các bị cáo phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội luôn chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đều là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, vợ không có công việc, không có thu nhập ổn định; bố bị cáo Vì A S là ông Vì A X bị tai biến mất khả năng vận động, không tự phục vụ cần có người chăm sóc, mẹ đẻ bị cáo Vì A S thường xuyên đau ốm; các bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A đã nộp đủ số tiền phạt bổ sung và án phí dân sự sơ thẩm là 10.200.000đ theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện M tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện M là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, các bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Việc chuyển biện pháp chấp hành hình phạt tù cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và việc cho các bị cáo được hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A: sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

[6] Về án phí phúc thẩm:

Các bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La như sau:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 3,5 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1.1. Xử phạt bị cáo Vì A S 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 16/01/2025).

Trả tự do cho bị cáo Vì A S tại phiên tòa nếu không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Vì A S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.2. Xử phạt bị cáo Bùi Hoàng A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 16/01/2025).

Trả tự do cho bị cáo Bùi Hoàng A tại phiên tòa nếu không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Bùi Hoàng A cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Vì A S và Bùi Hoàng A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày

16/01/2025).

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã T , huyện M;
- UBND phường Q, thành phố Sơn La;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Điêu Thị Kim Liên